

Số: /KLVI-QLR

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 5 năm 2025

V/v cấp dự báo cháy rừng

Kính gửi: Chi cục Kiểm lâm các tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Hà Giang, Bắc Giang, Quảng Ninh, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Yên Bái

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH THỜI TIẾT

Theo dự báo của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, dự báo thời tiết khu vực phía Bắc từ ngày 06/5/2025 - 12/5/2025, cụ thể như sau:

1. Nhiệt độ

- Các tỉnh phía Tây Bắc bộ có nhiệt độ trung bình:

+ Cao nhất: 39,8 °C;

+ Thấp nhất: 23,3 °C.

- Các tỉnh phía Đông Bắc bộ có nhiệt độ trung bình:

+ Cao nhất: 36,2° C;

+ Thấp nhất: 25,1° C.

2. Độ ẩm

Độ ẩm trung bình ở mức xấp xỉ trung bình nhiều năm cùng kỳ (từ 39% - 76,5%)

3. Mưa

Hầu hết các khu vực trong Vùng ba ngày đầu tuần đều có mưa với lượng mưa nhỏ hơn 5 mm, ngày 10/5/2025 các khu vực có mưa vừa với lượng mưa trên 5 mm, cá biệt khu vực TP. Bắc Kạn (Bắc Kạn) mưa với lượng mưa ngày trên 35 mm.

II. CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG

Đa số các ngày trong tuần ở các khu vực: Tỉnh Lai Châu; tỉnh Điện Biên; tỉnh Sơn La; TP. Lào Cai (Lào Cai); Cô Tô, TP. Cửa Ông, TP. Uông Bí, TP. Móng Cái (Quảng Ninh); Hiệp Hòa, Sơn Động, Lục Ngạn, TP. Bắc Giang (Bắc Giang); TP. Lạng Sơn, Văn Quan, Cao Lộc, Hữu Lũng, Chi Lăng, Lộc Bình, Đình Lập (Lạng Sơn) dự báo cấp cháy rừng ở mức Cấp III đến Cấp V (*Cấp cao, dễ xảy ra cháy rừng đến Cấp cực kỳ nguy hiểm nguy cơ cháy rừng rất lớn và lan tràn nhanh trên tất cả các loại rừng*). Các khu vực khác trong vùng, các ngày trong tuần, cấp dự báo cháy rừng ở mức Cấp I đến Cấp II (*Cấp thấp đến cấp trung bình, ít có khả năng xảy ra cháy rừng*). Cụ thể như sau:

STT	TỈNH	KHU VỰC	TRẠNG THÁI RỪNG	Cấp dự báo cháy rừng từ ngày 06/5/2025 – 12/5/2025						
				Ngày 06	Ngày 07	Ngày 08	Ngày 09	Ngày 10	Ngày 11	Ngày 12
1	Lai Châu	H. Mường Tè, H. Nậm Nhùn, H. Phong Thổ		III	IV	V	V	V	V	V
2		H. Sìn Hồ		I	II	II	III	III	IV	IV
3		TP. Lai Châu		II	III	IV	IV	V	V	V
4		H. Than Uyên, H. Tân Uyên, H. Tam Đường		II	IV	IV	V	V	V	V
5	Điện Biên	TX. Mường Lay, H. Mường Nhé, H. Nậm Pồ, H. Mường Chà		IV	V	V	V	V	V	V
6		H. Tuần Giáo, H. Tủa Chùa, H. Mường Ảng		I	II	III	IV	IV	V	V
7		Pha Đin		II	II	III	III	III	IV	IV
8		TP. Điện Biên Phủ, H. Điện Biên, H. Điện Biên Đông		II	III	III	IV	V	V	V
9	Sơn La	H. Quỳnh Nhai		III	IV	IV	IV	IV	IV	V
10		TP. Sơn La		I	II	III	III	III	III	IV
11		H. Sông Mã		V	V	V	V	V	V	V
12		H. Mai Sơn		III	III	IV	IV	IV	IV	IV
13		H. Yên Châu		IV	IV	IV	V	V	V	V
14		H. Bắc Yên		II	II	III	III	III	IV	IV
15		H. Phù Yên		III	IV	IV	IV	IV	V	V
16		H. Mộc Châu		II	III	III	IV	IV	IV	IV
17	Lào Cai	TP. Lào Cai, H. Bảo Thắng, H. Văn Bàn		IV	V	V	V	I	II	II
18		H. Si Ma Cai, H. Mường Khương, H. Bắc Hà		II	II	III	III	I	I	II
19		TX. Sa Pa, H. Bát Xát		I	I	II	II	II	III	III
20		H. Bảo Yên		I	I	II	III	I	I	II
21	Hà Giang	TP. Hà Giang, H. Vị Xuyên	Nhóm trạng thái rừng III	II	II	II	III	I	I	II
22			Nhóm trạng thái rừng II	II	II	II	III	I	I	II
23			Nhóm trạng thái rừng I	II	II	II	III	I	I	II
24		H. Hoàng Su Phì, H. Xín Mần	Nhóm trạng thái rừng III	II	II	II	III	I	I	I
25			Nhóm trạng thái rừng II	II	II	II	III	I	I	I
26			Nhóm trạng thái rừng I	II	II	II	III	I	I	I
27		H. Bắc Mê,	Nhóm trạng thái rừng III	I	I	I	I	I	I	II

28		H. Yên Minh, H. Quản Bạ	Nhóm trạng thái rừng II	I	I	I	I	I	I	II
29			Nhóm trạng thái rừng I	I	I	I	I	I	I	II
30		H. Bắc Quang, H. Quang Bình	Nhóm trạng thái rừng III	I	I	I	II	I	I	II
31			Nhóm trạng thái rừng II	I	I	I	II	I	I	I
32			Nhóm trạng thái rừng I	I	I	I	II	I	I	I
33	Quảng Ninh	TP. Móng Cái		V	V	V	V	I	II	II
		H. Hải Hà, H. Đầm Hà		II	II	II	III	I	II	II
35		H. Tiên Yên, H. Bình Liêu, H. Ba Chẽ		II	II	III	III	I	I	II
36		H. Cô Tô		III	III	III	III	I	I	II
37		TP. Cẩm Phả, H. Vân Đồn		III	III	III	IV	I	I	II
38		TP. Hạ Long, TX. Quảng Yên		I	II	II	III	I	I	II
39		TP. Uông Bí, TP. Đông Triều		II	II	III	III	III	III	IV
40	Bắc Giang	H. Hiệp Hòa, H. Yên Thế, TX. Việt Yên, H. Tân Yên		II	III	III	III	I	I	II
41		H. Lục Ngạn		III	III	III	IV	I	II	II
42		H. Sơn Động, H. Lục Nam		II	III	III	III	I	II	II
43		TP. Bắc Giang, H. Yên Dũng, H. Lạng Giang		II	III	III	III	III	IV	IV
44	Bắc Kạn	H. Ba Bể		I	I	I	I	I	I	I
45		H. Ngân Sơn, H. Pác Nặm, H. Na Rì		I	I	I	I	I	I	I
46		TP. Bắc Kạn, H. Chợ Đồn, H. Bạch Thông, H. Chợ Mới		II	II	II	III	I	I	I
47	Lạng Sơn	H. Văn Lãng, H. Trảng Định		III	I	II	III	I	II	III
48		TP. Lạng Sơn, H. Văn Quan, H. Cao Lộc		III	III	IV	IV	I	II	III
49		Mẫu Sơn		II	I	II	III	I	II	II
50		H. Bắc Sơn, H. Bình Gia		I	II	II	II	I	I	II
51		H. Hữu Lũng, H. Chi Lãng		III	III	IV	IV	I	II	II
52		H. Lộc Bình, H. Đình Lập		II	III	III	IV	I	II	III
53	Yên Bái	Vùng I		II	II	II	II	II	II	III

54		Vùng II		II	II	III	III	I	I	II
55		Vùng III		II	I	I	II	I	I	II
56		Vùng IV		II	II	II	II	I	II	II

CHỈ CỤC KIỂM LÂM VÙNG I